

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước các lo ngại về số liệu vĩ mô tiêu cực của quý 3 tới đây được công bố do ảnh hưởng bởi các quy định cách ly xã hội

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm sau khi ADB hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam xuống 3.8% trong năm nay

## [Thông tin doanh nghiệp]

HSG, MWG

## [Quan điểm đầu tư]

Sau khi bán thu hẹp tỷ trọng vị thế ngắn hạn, NĐT có thể trải mua trở lại 1 phần khi chỉ số về vùng hỗ trợ đã đề cập, nhưng lần tuân thủ nguyên tắc dừng lỗ nếu VNIndex phá vỡ điểm đỡ này.

27/09/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,324.99	-1.94
VN30	1,439.20	-1.42
HĐTL VN30F1M	1,434.00	-1.10
HNXIndex	353.01	-1.84
HNX30	563.17	-2.75
UPCoM	95.76	-2.36
USD/VND	22,765	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.13	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+7
Dầu (WTI, \$)	74.86	+1.19
Vàng (LME, \$)	1,751.10	+0.04



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,324.99 (-1.94%)  
**KLGD (triệu CP)** 778.4 (+27.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 957.1 (+18.9%)

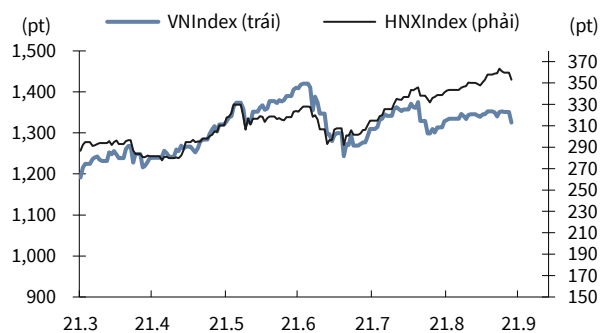
**HNXInd** 353.01 (-1.84%)  
**KLGD (triệu CP)** 155.7 (+7.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 124.4 (+11.7%)

**UPCoM** 95.76 (-2.36%)  
**KLGD (triệu CP)** 105.8 (-39.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 81.6 (-3.8%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -10.5

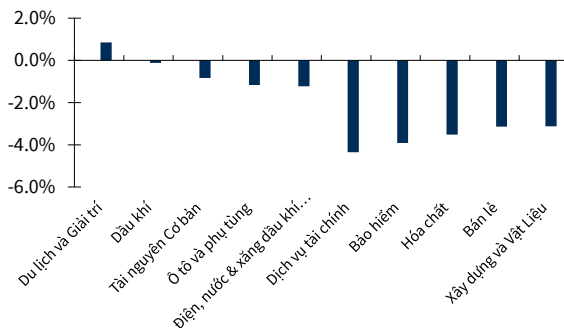
TTCK Việt Nam giảm điểm trước các lo ngại về số liệu vĩ mô tiêu cực của quý 3 tới đây được công bố do ảnh hưởng bởi các quy định cách ly xã hội. Theo đại diện Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), tôm của Việt Nam sẽ ngày càng phải chịu áp lực cạnh tranh mạnh hơn với Ấn Độ và Ecuador trên thị trường Mỹ do nguồn cung tại 2 quốc gia này được dự báo tiếp tục tăng trong khi các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức về logistics, giá thuê container tăng liên tục, thiếu container và thời gian vận chuyển dài hơn khiến cổ phiếu thủy sản giảm giá ở MPC (-2.3%), FMC (-0.8%). Cục Đầu tư nước ngoài cho biết tính đến 20/9, do dịch covid diễn biến phức tạp, một số nhà máy bị ngưng hoặc giảm công suất, vốn FDI thực hiện đạt 13.28 tỷ USD, giảm 3.5% so với cùng kỳ năm 2020 khiến cổ phiếu khu công nghiệp giảm giá ở KBC (-6%), LHG (-4.6%). Cổ phiếu Hòa Phát HPG (0%) giao dịch tích cực hơn thị trường chung sau khi doanh nghiệp thông báo tăng giá bán cấp thép dự ứng lực. Khối ngoại bán ròng ở HPG (0%), VIC (-1.0%), VND (-4.6%).

## VNIndex & HNXIndex



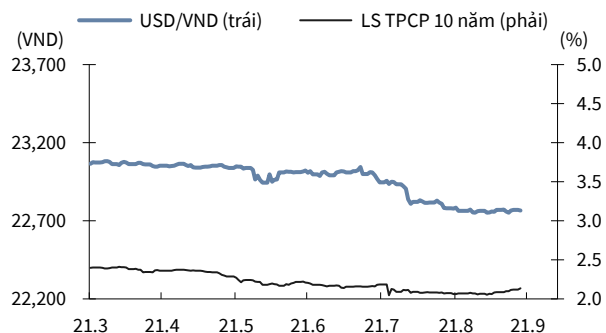
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

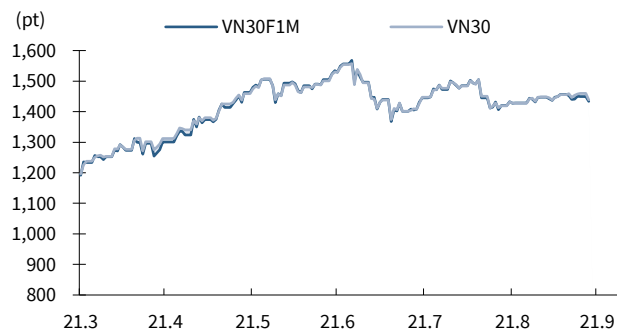
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,439.20 (-1.42%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,434.0 (-1.10%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,452.3</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,454.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,434.0</b>

Các HĐTL giảm điểm sau khi ADB hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam xuống 3.8% trong năm nay. Chênh lệch F2210 và chỉ số VN30 biến động giằng co với biên độ rộng trong khoảng -4.8 và 11.91 điểm trước khi đóng cửa ở mức -5.2 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

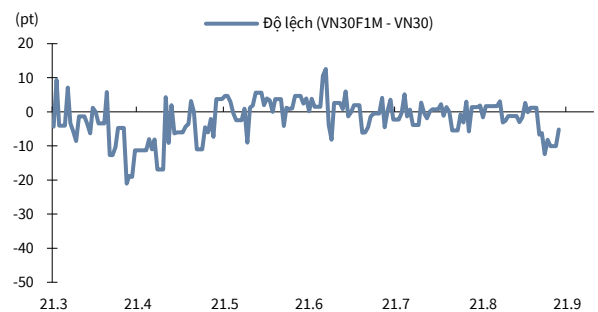
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>133,320 (-41.8%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



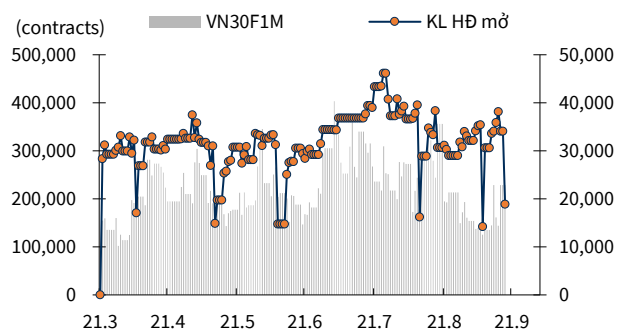
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



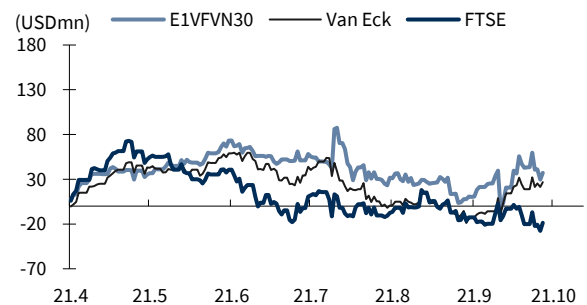
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

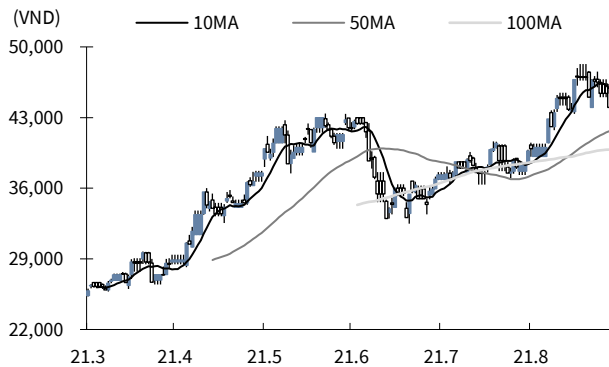
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

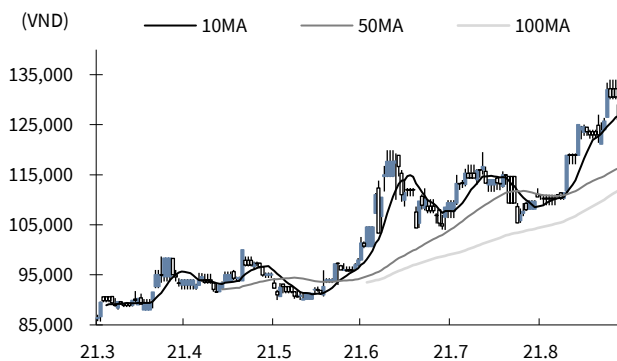
## Tập đoàn Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG giảm 3.08% xuống 44,000 VND/cp
- Tập đoàn Hoa Sen thông báo lợi nhuận tháng 8 ước đạt 320 tỷ đồng (+47% YoY) và doanh thu đạt 4,701 tỷ đồng (+66% YoY)
- Sản lượng trong tháng đạt 167,810 tấn (-6% YoY), trong đó sản lượng tôn mạ đạt 150,781 tấn, riêng xuất khẩu là 123,080 tấn.

## Thế giới di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm 3.45% xuống 126,000 VND/cp
- Đầu tư Thế Giới Di Động thông báo lợi nhuận tháng 8 đạt 222 tỷ đồng và doanh thu 6,500 tỷ đồng, lần lượt giảm 32% và 25% so với cùng kỳ năm trước. trong đó, chuỗi BHX đóng góp 46% tổng doanh thu, đạt 3,000 tỷ đồng doanh thu (+52% YoY). Do tác động của việc giãn cách xã hội, 70% tổng số điểm bán của TGDD/ĐMX trên toàn quốc phải tạm đóng cửa hoặc hạn chế bán hàng trong cả tháng 8.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



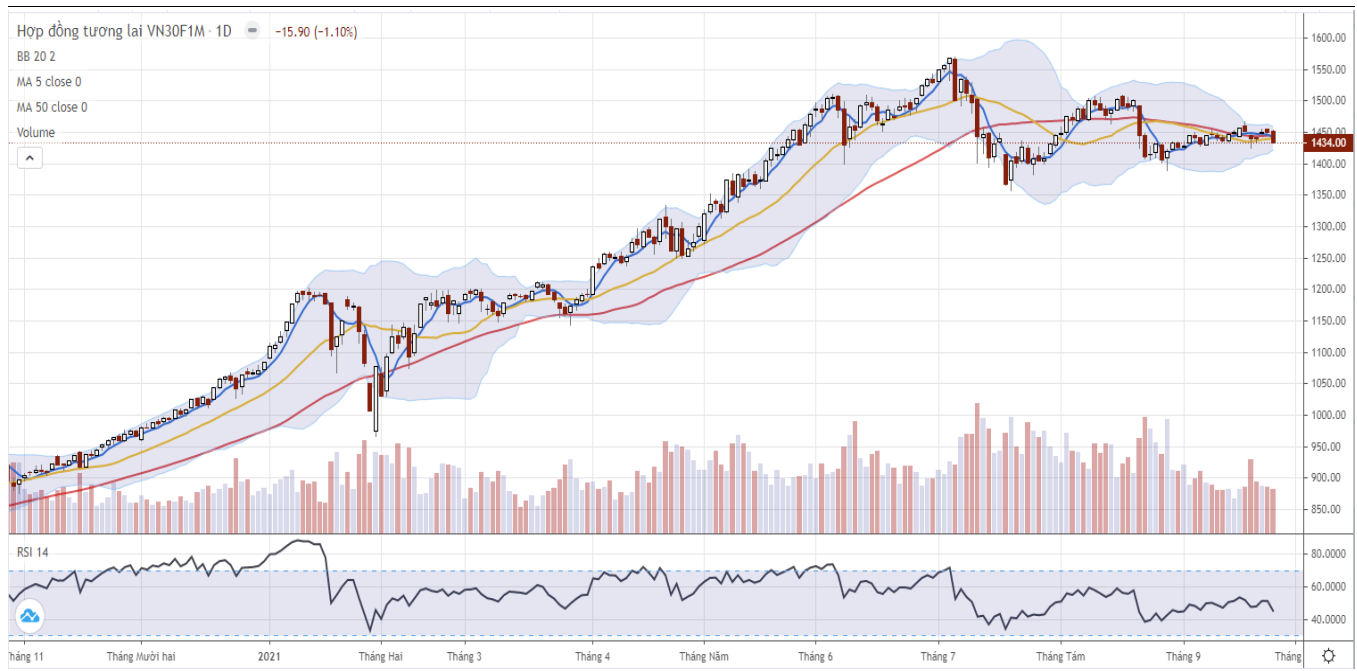
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên giảm điểm mạnh với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Tín hiệu gia tăng của thanh khoản tại các nhịp sụt giảm phá đáy trong phiên tiếp tục cho thấy áp lực phân phối. Mặc dù vậy về tổng thể, chỉ số vẫn đang vận động đi ngang theo mẫu hình tam giác và dần lùi về điểm đỡ quan trọng tại quanh 1300. Đây là mốc then chốt quyết định đến khả năng giữ được vùng đáy 122x, nên chừng nào chưa bị phá vỡ, vẫn có thể kỳ vọng vào kịch bản xuất hiện nhịp hồi phục tại đây.
- Sau khi bán thu hẹp tỷ trọng vị thế ngắn hạn, NĐT có thể trải mua trở lại 1 phần khi chỉ số về vùng hỗ trợ đã đề cập, nhưng lần tuân thủ nguyên tắc dừng lỗ nếu VNIndex phá vỡ điểm đỡ này.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1448 - 1453

Kháng cự gần: 1440 - 1443

Hỗ trợ gần: 1423 - 1427

Hỗ trợ xa: 1410 - 1414

- F1 trải qua một phiên giảm điểm mạnh với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Tín hiệu gia tăng của thanh khoản tại các nhịp sụt giảm phá đáy trong phiên tiếp tục cho thấy áp lực phân phối. Mặc dù vậy về tổng thể, chỉ số vẫn đang vận động đi ngang theo mẫu hình tam giác và dần lùi về điểm đỡ quan trọng tại quanh 141x. Chứng nào chốt chặn này chưa bị phá vỡ, vẫn có thể kỳ vọng vào kịch bản xuất hiện nhịp hồi phục tại đây.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu, nhưng dừng lỗ nếu bị phá vỡ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu, nhưng dừng lỗ nếu bị phá vỡ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

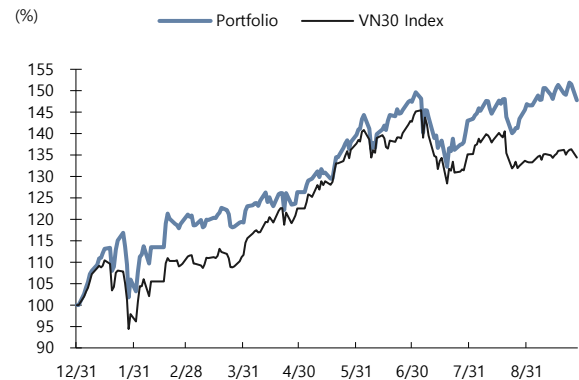
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.42%	-2.48%
Tăng lũy kế (YTD)	34.41%	47.78%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	126,000	-3.4%	63.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	41,000	-3.0%	67.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	91,000	-1.1%	18.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,000	-2.4%	122.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	62,000	-4.9%	82.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	92,100	-0.6%	216.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	31,000	-2.2%	64.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	90,000	-1.1%	22.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	50,800	0.0%	250.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	41,500	-6.0%	202.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	-2.1%	54.6%	108.5
VHM	-1.8%	22.9%	93.8
STB	-0.9%	15.5%	34.7
KBC	-6.0%	17.6%	31.3
VHC	-2.8%	23.0%	25.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.0%	26.0%	-185.2
VIC	-1.0%	13.9%	-221.0
VND	-4.6%	20.3%	-53.2
VCI	-6.4%	20.2%	-46.1
SSI	-4.3%	44.7%	-47.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	0.0%	1.7%	12.4
PLC	-8.0%	1.1%	6.4
SHB	-0.7%	4.0%	4.3
DL1	6.0%	1.9%	1.4
VCS	-4.8%	3.9%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	0.4%	7.3%	-2.1
VNR	-3.6%	27.6%	-0.5
ART	-6.8%	0.8%	-0.5
SED	-4.8%	14.0%	0.8
TC6	-7.4%	4.2%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	3.9%	BVH, BMI
Bán lẻ	1.4%	MWG, ABS
Ô tô và phụ tùng	1.0%	TCH, SVC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.7%	GAS, PGD
Du lịch và Giải trí	0.6%	VJC, VNS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-6.6%	SSI, VCI
Hóa chất	-4.3%	GVR, DPM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-4.2%	REE, GMD
Xây dựng và Vật Liệu	-2.7%	VGC, HT1
Thực phẩm và đồ uống	-2.4%	MSN, BHN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	13.6%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	7.7%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	4.6%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	2.9%	TCH, SVC
Thực phẩm và đồ uống	2.7%	SAB, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-8.1%	DHG, DCL
Dịch vụ tài chính	-4.3%	SSI, FIT
Bất động sản	-3.7%	VIC, VHM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.1%	APH, LGC
Hóa chất	-1.9%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	284,116 (12.5)	22.5	57.2	55.0	14.7	4.1	5.7	3.6	3.3	-1.0	-0.7	-9.2	-10.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	964,065 (42.3)	26.6	10.2	9.2	35.9	32.0	26.9	2.8	2.1	-1.8	-2.1	-4.9	13.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	146,832 (6.4)	17.8	25.5	17.7	-7.6	6.8	10.4	2.2	2.1	-0.9	-3.6	5.4	-10.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	231,064 (10.1)	31.3	35.3	18.9	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	-0.6	-0.6	-1.3	112.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	114,256 (5.0)	11.6	24.7	18.2	18.0	12.3	14.4	2.8	2.4	-1.5	-2.0	5.6	55.2
DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	92,587 (4.1)	13.9	10.8	8.0	-	16.3	18.5	1.6	1.3	-3.3	-1.0	0.9	37.0	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	83,857 (3.7)	6.3	18.5	14.5	11.7	19.7	20.1	3.2	2.5	-1.5	-1.6	0.2	0.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	54,362 (2.4)	12.7	17.0	12.1	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.7	-0.8	-1.3	1.8	-17.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	411,524 (18.1)	0.0	10.3	8.6	14.3	20.4	20.2	1.9	1.6	-2.2	-2.4	3.0	57.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	286,383 (12.6)	1.4	10.8	8.1	61.1	18.3	20.5	1.3	1.2	-2.2	-2.7	-0.5	15.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	432,521 (19.0)	0.0	13.0	11.0	18.8	22.9	16.6	2.0	1.7	0.0	-0.7	9.5	106.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	363,557 (16.0)	0.0	8.7	7.2	14.6	22.1	22.3	1.6	1.3	-2.4	-0.9	0.0	65.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	54,721 (2.4)	4.2	8.5	8.1	23.3	22.2	21.5	1.7	-	0.0	-0.8	-3.8	34.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	322,705 (14.2)	14.0	18.2	13.4	26.5	10.3	12.6	-	-	-0.9	-2.2	-2.9	56.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	283,832 (12.5)	0.0	9.0	7.6	37.5	23.1	21.1	1.8	1.5	-3.8	-0.2	17.6	49.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	13,957 (0.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.0	-5.9	-3.3	23.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	84,727 (3.7)	21.0	25.4	22.9	15.8	8.2	8.6	2.0	1.9	-3.9	4.8	5.8	-14.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	32,752 (1.4)	14.2	15.6	16.1	9.1	12.0	12.0	1.7	1.6	-3.7	2.0	10.8	47.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	545,499 (24.0)	55.4	15.3	13.7	-3.2	17.3	17.7	-	-	-4.3	-6.5	-1.1	82.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	327,091 (14.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.4	-8.7	-2.2	101.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	264,009 (11.6)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-5.1	-4.4	-3.4	64.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	405,095 (17.8)	27.2	11.0	18.6	36.3	-	-	3.7	3.3	-4.6	-6.3	-0.8	167.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	335,088 (14.7)	42.1	18.7	17.3	4.0	32.7	33.9	5.7	5.5	-2.1	0.1	2.1	-18.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	33,663 (1.5)	36.9	21.7	18.3	7.3	23.0	24.2	4.5	3.9	-0.6	0.4	7.1	-18.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	224,676 (9.9)	16.5	47.9	27.2	-51.9	17.5	22.8	8.1	6.4	-5.2	-5.6	-0.7	51.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	61,297 (2.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.5	10.9	-1.4	-50.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	115,781 (5.1)	11.0	-	36.2	-88.5	0.4	16.2	-	-	3.2	3.9	1.7	3.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	181,437 (8.0)	10.8	27.6	18.7	-57.0	9.2	13.1	2.3	2.1	-2.9	-6.5	-6.8	46.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	59,794 (2.6)	38.4	22.5	12.0	65.7	4.7	7.5	-	-	-1.7	-2.6	-0.9	-20.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	71,596 (3.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-5.5	-0.9	10.4	109.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	207,458 (9.1)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	-2.5	-4.2	-3.4	28.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	23,897 (1.0)	3.6	101.9	26.4	-52.4	0.6	2.3	0.6	0.6	-2.8	-1.5	0.3	-14.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	67,161 (2.9)	0.0	11.7	9.8	-4.5	13.2	14.1	1.4	1.4	-4.9	-5.5	-4.6	26.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	78,035 (3.4)	46.1	19.7	15.9	-17.5	18.1	20.5	3.4	3.2	-1.1	1.4	3.4	3.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,628 (1.0)	31.4	18.1	11.8	-10.5	10.6	14.0	1.6	1.7	-1.9	0.2	0.7	-16.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	17,082 (0.8)	34.1	17.8	10.6	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.4	-2.8	-5.2	-5.2	-6.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,284,304 (56.4)	18.0	7.4	7.1	21.9	40.8	30.2	2.4	1.8	0.0	-1.0	6.7	65.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	194,852 (8.6)	36.5	10.5	16.2	-0.5	15.4	9.5	1.5	1.4	-6.7	-9.3	12.5	71.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	107,535 (4.7)	46.5	17.2	18.3	-4.5	11.7	10.5	-	-	-5.8	-7.9	-7.3	62.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	638,101 (28.0)	38.9	5.2	7.1	67.9	47.9	25.6	2.0	1.6	-3.1	-2.2	15.0	118.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	108,327 (4.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-4.6	-4.0	-4.2	18.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	50,056 (2.2)	4.6	17.1	14.9	-51.0	16.0	16.1	-	-	0.2	0.2	1.2	-8.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	159,541 (7.0)	39.9	243.6	33.4	-11.9	0.2	2.2	0.6	0.6	-2.3	2.0	14.0	28.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	182,160 (8.0)	35.9	10.0	9.4	1.2	14.8	14.5	1.4	1.3	-1.3	-7.1	2.1	60.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	167,557 (7.4)	0.0	18.4	14.5	13.7	24.3	26.8	4.1	3.6	-3.4	2.4	14.9	59.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	59,642 (2.6)	0.0	19.3	15.3	2.4	20.2	23.4	3.5	3.0	-1.1	0.0	6.1	12.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	3,242 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-5.0	-2.2	1.3	-66.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	103,380 (4.5)	30.3	36.3	22.6	-75.2	8.0	12.1	2.8	2.6	0.0	-2.2	7.6	37.5
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,724 (1.8)	34.6	16.2	9.0	41.2	13.8	26.3	2.0	2.1	-1.5	-3.0	1.8	-19.0
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,806 (0.3)	45.4	17.7	16.7	10.7	20.3	20.3	3.4	3.1	-2.9	-1.0	-1.5	-3.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	114 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-7.0	-4.7	-4.7	0.9
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	183,469 (8.1)	0.0	20.3	17.4	15.5	24.0	25.1	4.4	4.0	-0.6	-2.4	0.1	79.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.